TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT
Ngày: 14/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng
hợp đồng Bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2023/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXX-PT ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP M; địa chỉ: Số A, đường N, phường T, TP ., tỉnh Hải Dương - Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Thanh S- Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trung D - Chức vụ: Phó tổng Giám đốc *(Theo văn bản ủy quyền số: 303/2020/UQ-NĐDPL.12.01 ngày 08/7/2020)*. Ông: Đàm Thanh T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ; Ông: P - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Đ; Ông: H - Chức vụ: Giám đốc Phòng KHDN - CN Đà Nẵng; Ông: Võ Lê L - Chức vụ: Giám đốc Phòng KHBL–C; *(Theo Văn bản ủy quyền số: 386/2020/UQ-OCEANBANK.05.02 ngày 24/7/2020);* Địa chỉ số H H, Q . T, TP Đà Nẵng; ông L, ông P; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đ1; địa chỉ: D L, phường H (nay là phường Đ), TP Đ, Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn H - Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng P1 (viết tắt: VDB); địa chỉ: B C, quận Đ, TP . - Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T1 - Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Bá S1 - Giám đốc Ngân

hàng P1 chi nhánh Q1. *(Theo Giấy ủy quyền số: 2404/GUQ-NHPT-PC ngày 29/12/2020)* - Đại diện tham gia tố tụng: ông Lê Q - phó Giám đốc chi nhánh Q1 *(Theo Giấy ủy quyền số: 72/GUQ-NHPT.QBI-KT ngày 09/03/2021*; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Luật sư Dương Văn T2- Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Q2; đại chỉ: 102 D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện*** Ngân hàng M ***(viết tắt là*** Ngân hàng O***) trình bày:***

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 (viết tắt là Công ty Đ1) vay vốn tại Ngân hàng M *(viết tắt là* Ngân hàng O*)* theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0073/2009/EDDTD1-OCEANBANK06 ngày 22-05-2009 và các Phụ lục kèm theo (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng). Theo các Giấy nhận nợ (hoặc Khế ước nhận nợ) từ số 01 đến 15 thuộc Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng O đã giải ngân cho Công ty Đ1 tổng cộng số tiền là 8.452.653.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26-5-2009, Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI- CTBL ngày 26-5-2009 và các chứng thư sửa đổi kèm theo của Ngân hàng P1- Chi nhánh Q1 (viết tắt là Ngân hàng V). Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ1 đã trả cho Ngân hàng O số tiền 6.525.411.966 đồng (trong đó, nợ gốc 2.586.083.048 đồng và nợ lãi phạt đã trả 3.939.328.918 đồng), sau đó công ty đã để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 14-01-2013. Mặc dù, Ngân hàng O đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện để Công ty Đ1 khắc phục khó khăn, thu xếp thanh toán khoản nợ, nhưng Công ty Đ1 không hợp tác, không đưa ra được phương án trả nợ khả thi cho Ngân hàng O.

Vì vậy, Ngân hàng O khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng O số tiền tạm tính đến ngày 24/01/2022 là 6.884.196.713 đồng (trong đó, nợ gốc là 910.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 944.973.607 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 3.062.205.205 đồng, phạt lãi quá hạn là 1.967.017.901 đồng) và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty Đ1 thanh toán xong nợ.

Buộc Công ty Đ1 phải ký quỹ số tiền hỗ trợ lãi suất 572.808.289 đồng tại Ngân hàng O. Sau khi Ngân hàng N quyết toán xong tiền hỗ trợ lãi suất, thì Ngân hàng M sẽ quyết toán lại cho Công ty Đ1 và hoàn trả số tiền chênh lệch (nếu có).

Trong trường hợp Công ty Đ1 không trả nợ, đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Đ1 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2022 với tổng số tiền 3.050.491.396 đồng (trong đó, nợ gốc là 910.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 323.941.668 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 1.816.549.728 đồng) tính đến ngày 24/01/2022

**** Đối với bị đơn là*** Công ty Đ1***:*** Qua xác minh tại phố Đ xác định Công ty Đ1 không có trụ sở tại số D L, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; ông Lê Văn H Giám đốc Công ty Đ1 hiện không sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, nhưng chưa cắt chuyển hộ khẩu. Theo Công văn số 132/QLXNC-P5 ngày 31-12-2020 của Cục Q3 và Công văn số 2610/2020/CV-DS ngày 23-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, thì ông Lê Văn H đã xuất nhập cảnh 09 lần và lần nhập cảnh cuối cùng là ngày 02-9-2005. Theo Công văn phúc đáp số 03/KHĐT-ĐK ngày 21-01-2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q, thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số: 13084/17 ngày 08-12-2017 đã bị thu hồi. Sau đó, Công ty Đ1 không đến làm thủ tục giải thể; về địa chỉ: Công ty Đ1 địa chỉ trụ sở từ khi thành lập đến nay. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ đăng ký trong Giấy phép kinh doanh, nhưng bị đơn không có mặt.

**** Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*** Ngân hàng P1- Chi nhánh Q1***(gọi tắt là*** Ngân hàng V***) trình bày:***

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng O về việc buộc Công ty Đ1 phải trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu của Ngân hàng O về việc buộc Ngân hàng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Địa Cầu Xanh trong trường hợp không thu hồi được nợ từ Công ty Đ1, Ngân hàng V có ý kiến như sau: Hiện nay, dư nợ của Dự án Nhà máy C1 tại Ngân hàng M gồm 02 phần: (1) Phần thứ nhất là dư nợ gốc 910.000.000 đồng tương đương với hạng mục ô tô tải cẩu và toàn bộ lãi phát sinh liên quan đến hạng mục này và (2) là số tiền lãi còn lại trên khoản nợ gốc 2.540.000.000 đồng. Đối với khoản nợ gốc 910.000.000 đồng, tương đương hạng mục xe ô tô tải cẩu và phần lãi phát sinh, Ngân hàng V từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, cụ thể:

Tại Điều 7 Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26-5-2009 quy định: Bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 không được sử dụng tài sản bảo đảm cho bảo lãnh làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc dùng tài sản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Tại điểm 2 của Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL quy định: Khi dự án hoàn thành, bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ giấy tờ (bản gốc) liên quan đến tài sản hình thành từ vốn vay được bảo lãnh cho bên bảo lãnh là Ngân hàng V. Tuy nhiên, sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty Đ1 không thực hiện việc bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký ô tô đối với xe ô tô tải cẩu cho Ngân hàng V mà sử dụng vào mục đích khác. Như vậy, Công ty Đ1 đã vi phạm các cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh và Chứng thư bảo lãnh.

Căn cứ khoản k điểm 1 Điều 14 tại Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21-01-2009 về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng M: Ngân hàng V có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên được bảo lãnh vi phạm Hợp đồng bảo lãnh vay vốn hoặc Chứng thư bảo lãnh. Ngân hàng V từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với phần dư nợ gốc 910.000.000 đồng và lãi phát sinh liên quan đến hạng mục xe ôtô tải cẩu.

Tại các Công văn số 302/NHPT.QBI-TD ngày 24-8-2018; Công văn số 251/NHPT.QBI-TD ngày 21-8-2019 và Công văn số 78/NHPT.QBI-TD ngày 09-3-2020, Ngân hàng V đã đề nghị Ngân hàng O trực tiếp thu hồi khoản nợ trên từ Công ty Đ1. Do đó, Ngân hàng V không có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty Đ1 trong trường hợp Ngân hàng O không thu hồi được nợ từ Công ty Đ1.

Đối với các khoản lãi phát sinh trên các hạng mục tài sản khác, Ngân hàng V có ý kiến như sau: Tại Điều 14 Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21-01-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng Thương mại quy định: Bên bảo lãnh được quyền phối hợp với bên nhận bảo lãnh kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn và hoàn trả nợ của bên được bảo lãnh; bên bảo lãnh được yêu cầu bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động của bên được bảo lãnh liên quan đến việc bảo lãnh vay vốn.

- Trong 02 lần trả nợ thay đối với Dự án Nhà máy Cơ khí tổng hợp, Ngân hàng V đã tạm chấp thuận các số liệu về dư nợ gốc, lãi do Ngân hàng M cung cấp. Vì vậy, tại các Công văn số 256/NHPT.QBI-TD ngày 03- 7y2018; Công văn số 302/NHDPT.QBI-TD ngày 24-8-2018; Công văn số 251/NHPT.QBI-TD ngày 21-8-2019 và Công văn số 78/NHPT.QBI-TD ngày 09- 3-2020, Ngân hàng V đã đề nghị Ngân hàng O cung cấp thông tin và phối hợp với Ngân hàng V thực hiện rà soát số liệu chi tiết về giải ngân, thu nợ, phạm vi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để xác định chính xác nghĩa vụ bảo lãnh đối với dự án theo đúng quy định. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng O cung cấp bao gồm: (1) Thông tin về từng lần giải ngân (số tiền, thời gian giải ngân, lãi suất vay vốn áp dụng trong từng thời kỳ), (2) Thông tin về trả nợ của Công ty Đ1 và trả nợ thay của Chi nhánh Ngân hàng V (số tiền trả nợ, thời gian trả nợ, nội dung trả nợ, trả nợ gốc, trả nợ lãi, lãi phạt quá hạn, lãi phạt trong hạn). Tuy nhiên, Ngân hàng O không có công văn phản hồi, không phối hợp cung cấp thông tin, rà soát hồ sơ theo đề nghị, nên Ngân hàng V chưa có đủ thông tin để xác định nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh. Mặt khác, việc Ngân hàng O không phối hợp cung cấp thông tin, rà soát hồ sơ theo đề nghị của Ngân hàng V là chưa thực hiện đúng theo quy định của Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21-01-2009 của Thủ tướng Chính phủ,

- Về thời hiệu đề nghị áp dụng: Tại Biên bản làm việc ngày 30-5-2017, giữa Ngân hàng V với Ngân hàng O và Công văn số 164/NHPT.QBI-TD ngày 14-4-2017 về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh Dự án Nhà máy Cơ khí tổng hợp, Ngân hàng V đã từ chối nghĩa vụ bảo lãnh đối với phần gốc và lãi liên quan đến hạng mục xe ô tô tải cẩu do Công ty Đ1 không thực hiện bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải cẩu và sử dụng tài sản này không đúng mục đích. Tiếp theo đó, Ngân hàng V có các công văn từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nói trên tại Công văn số 256/NHPT.QBI-TD ngày 03-7-2018, Công văn Bố 251/NHPT.QBI-TD ngày 21-8-2019 và Công văn số 78/NHPT, QBI-TD ngày 09-3-2020. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 3 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*, Vì vậy, Ngân hàng V đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án

giải quyết tranh chấp hợp suất đồng dân sự là 3 năm, kể cả phần lãi phát sinh trên phần gốc 2.540.000.000 đồng mà Ngân hàng V đã thực hiện trả nợ thay cho bị đơn lần hai.

**** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 24-01-2022, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình quyết định:***

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 361, 362, 363, 367, 369, 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng M *(*O*).*

1.1. Buộc Công ty TNHH Đ1 *phải trả cho* Ngân hàng M *(*O*) số tiền tính đến ngày 24-01-2022 là: 4.917.178.812 đồng (trong đó: nợ gốc là 910.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 944.973.067, lãi trên gốc quá hạn là 3.062.202.205 đồng)*

1.2. Kể từ ngày 25-01-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0073/2009/HDTD1-OCEANBANK06 ngày 22-05-2009 và các Phụ lục kèm theo được ký giữa Ngân hàng O - Chi nhánh Đ *với* Công ty Đ1 *là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết.*

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 1.967.017.901 đồng.

2.1. Buộc Công ty TNHH Đ1 *phải ký quỹ số tiền hỗ trợ lãi suất là 572.808.289 đồng tại* O. *Sau khi* Ngân hàng N *quyết toán xong tiền hỗ trợ lãi suất cho* O, O *sẽ quyết toán lại cho* Công ty TNHH Đ1 *và hoàn trả tiền chênh lệch (nếu có).*

2.2. Bác yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, do đã hết thời hiệu 03 năm và Ngân hàng V *có yêu cầu áp dụng thời hiệu.*

Ngày 26-01-2022, Ngân hàng M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**** Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2022/KDTM-PT ngày 07-7-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng M*; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm*

số 02/2022/KDTM-ST ngày 24-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26-01-2022, Ngân hàng M có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

**** Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 14/2023/KDTM-GĐT ngày 23/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:***

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343 và Điều 347 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 07/2023/KN-KDTM ngày 07/9/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

- Huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2022/KDTM-PT ngày 07-7-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa nguyên đơn Ngân hàng M *(*O*) với bị đơn* Công ty TNHH Đ1 *về phần thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.*

- Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử phúc thẩm lại theo đúng qui định pháp luật.

*** Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm lại vụ án các bên đương sự trình bày:**

1. Tại các bản tự khai và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng V **và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thống nhất trình bày:**

Ngày 26/5/2009, Chi nhánh Ngân hàng P1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 ký các hợp đồng: Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA; Hợp đồng thế chấp tài sản (Bảo đảm Bảo lãnh bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 02/2009/BĐBL-NHPT.QBI; Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc số 02/2009/NHPT.QBI-HĐNT-NNB và Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL. Theo đó, Chi nhánh chấp thuận bảo lãnh cho Công ty vay vốn tại Ngân hàng TMCP M - Chi nhánh Đ (nay là Ngân hàng M- Chi nhánh Đ). Sau đó, Chi nhánh và Công ty tiếp tục ký kết các Hợp đồng và Chứng thư bảo lãnh, cụ thể: Ngày 27/9/2011, ký Hợp đồng bảo lãnh sửa đổi số 01/2011/NHPT.QBI-BLDA-ĐCX và Chứng thư bảo lãnh sửa đổi số 01/NHPT.QBI-CTBLSĐ; Ngày 30/10/2010, ký Phụ lục số 01 - Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02A/2010/BĐBL-NHPT.QBI; Ngày 18/12/2010, ký Phụ lục số 02 - Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02B/2010/BĐBL-NHPT.QBI; Ngày 30/6/2012, Chi nhánh đã phát hành Chứng thư bảo lãnh sửa đổi số 01-2012/NHPT.QBI-CTBLSĐ-ĐCX; Ngày 11/3/2015, ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 12/2015/HĐTCTS-NHPT.QBI; Ngày 08/5/2015, ký Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 14/2015/NHPT-NNCT.

- VDB từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do hết thời hiệu khởi kiện: Tại Biên bản làm việc ngày 30/5/2017, VDB đã từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với dự án Nhà máy cơ khí tổng hợp được O cho Công ty Đ1 vay vốn. Tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2017, VDB đã đưa ra đề nghị: Ngân hàng O xóa số tiền phạt gốc quá hạn thì VDB sẽ lập hồ sơ đề nghị N1 thực hiện trả nợ thay một

phần. Tuy nhiên, Ngân hàng O không đồng ý, nên hai bên không xác lập được thỏa thuận do không thống nhất được ý kiến.

Như vậy: Căn cứ hồ sơ dự án, việc quyết định trả nợ thay trong trường hợp này vượt thẩm quyền của Chi nhánh D1, tại Biên bản Chi nhánh Q1 chỉ đề nghị lập hồ sơ để N1 xem xét thực hiện nghĩa vụ trả nợ có điều kiện chứ không xác nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng O. Cũng tại biên bản này, Ngân hàng O từ chối đề xuất của Chi nhánh Q1 nên hai bên không thống nhất được ý kiến, đồng nghĩa với việc Chi nhánh Q1 không chấp thuận lập hồ sơ đề nghị N1 xem xét thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Tại Công văn 273/NHPT.QBI-TD ngày 29/6/2017 trả lời yêu cầu trả nợ thay của Ngân hàng O, V tiếp tục đề nghị các nội dung như Biên bản làm việc ngày 26/6/2017 nhưng Ngân hàng O không chấp thuận, điều này đồng nghĩa với việc VDB tiếp tục không chấp thuận trả nợ thay.

- Tại Công văn 356/NHPT.QBI-TD ngày 08/09/2017, VDB đề nghị Ngân hàng O xóa số tiền phạt gốc quá hạn mà không có bất cứ nội dung nào chấp thuận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay. Như vậy, tại thời điểm này, một lần nữa VDB tiếp tục từ chối thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay sau khi các thỏa thuận từ hai bên không xác lập được.

- Tại Công văn 422/NHPT.QBI-TD ngày 24/10/2017 và Công văn 52/NHPT.QBI-TD ngày 26/01/2018 VDB tiếp tục thông báo không có cơ sở trình N1 xem xét trả nợ thay do quan điểm của hai bên không thống nhất như những nội dung tại các cuộc họp, đồng nghĩa với việc VDB từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Và tại Công văn 52/NHPT.QBI-TD ngày 26/01/2018, VDB tiếp tục thông báo, không có cơ sở trình N1 xem xét trả nợ thay do quan điểm của hai bên không thống nhất như những nội dung tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2017, đồng nghĩa với việc VDB từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- Tại các Công văn 256/NHPT.QBI-TD ngày 03/7/2018, Công văn 302/NHPT.QBI-TD ngày 24/8/2018, Công văn 251/NHPT.QBI-TD ngày 21/8/2019, Công văn 78/NHPT.QBI-TD ngày 09/3/2020, Chi nhánh Q1 vẫn tiếp tục từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Như vậy, thời điểm VDB bắt đầu từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là ngày 30/5/2017 (tại Biên bản làm việc ngày 30/5/2017) và xuyên suốt cả quá trình, VDB luôn đồng nhất quan điểm từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Tại các Biên bản làm việc, các Công văn nêu trên, hoàn toàn không có câu chữ nào thể hiện, hoặc được coi là thể hiện VDB đã đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Việc xem xét thỏa thuận "Nếu trường hợp Ngân hàng O đồng ý xóa số tiền phạt gốc quá hạn thì VDB sẽ báo cáo N1 xem xét thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh" để cho rằng VDB đã thừa nhận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là đã hiểu sai và làm sai lệch các chứng cứ của vụ án. Vì vậy, tại Quyết định Giám đốc thẩm số 14/2023/KDTM-GĐT ngày 23/9/2023 v/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng áp dụng Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu khởi kiện của vụ án được bắt đầu lại từ ngày 04/07/2018

(sau ngày Chi nhánh Q1 ban hành Công văn số 256/NHPT.QBI-TD) là không đúng quy định. Vì vậy, VDB đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án kể từ ngày 30/05/2017.

***- Về từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do vi phạm các Hợp đồng, Chứng thư bảo lãnh đã ký kết*:** Tại điểm 3 Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 quy định: *Bên bảo lãnh (*N1*) sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi: Bên được bảo lãnh (*Công ty TNHH Đ1*) và Bên nhận bảo lãnh (*Ngân hàng M*) thực hiện đúng quy định tại Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ... và Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do* Ngân hàng N *ban hành.* Tuy nhiên, Công ty Đ1 và Ngân hàng O không thực hiện đúng theo quy định của Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009, cụ thể:

- Vi phạm của Công ty TNHH Đ1**:** Tại Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

+ Tại Điều 4. Nguyên tắc bảo lãnh vay vốn quy định: *Bên được bảo lãnh vay vốn (*Công ty TNHH Đ1*) không được chuyển nhượng tài sản hình thành từ vốn vay đầu tư dự án; không được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay trong các hoạt động tín dụng và bảo lãnh khác.*

+ Tại tiết c, điểm 3, Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của các Bên quy định: *Bên được bảo lãnh (*Công ty TNHH Đ1*) không được sử dụng tài sản đã thế chấp để bảo đảm bảo lãnh vay vốn trong các hoạt động tín dụng và bảo lãnh khác.*

- Theo các Hợp đồng đã ký kết và Chứng thư bảo lãnh đã phát hành, Công ty TNHH Đ1 có trách nhiệm như sau:

+ Không được sử dụng tài sản bảo đảm cho bảo lãnh làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc dùng tài sản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào doanh nghiệp khác *(Theo điểm 2, điều 7, Hợp đồng Bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26/5/2009).*

+ Thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thế chấp trước khi đưa vào sử dụng và giao cho Chi nhánh lưu giữ, bảo quản ngay khi có các giấy tờ đó. Không được bán, trao đổi, tặng, cho, cho thuê, cho mượn, góp vốn bằng tài sản thế chấp, dùng tài sản thế chấp làm tài sản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ dân sự với bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Chi nhánh. Cung cấp thông tin trung thực về tình trạng của tài sản thế chấp khi Chi nhánh yêu cầu *(theo điểm 2, điều 8, Hợp đồng Thế chấp tài sản số 02/2009/BĐBL-NHPT.QBI ngày 26/5/2009).*

+ Khi dự án hoàn thành, Công ty có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ giấy tờ (bản gốc) liên quan đến tài sản hình thành từ vốn vay được bảo lãnh cho Chi

nhánh *(theo Điểm 2, Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009).*

Tuy nhiên, sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng Công ty Đ1 không thực hiện việc bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký ô tô đối với xe ô tô tải cẩu cho VDB mà sử dụng vào mục đích khác. Công ty Đ1 đã sử dụng xe ô tô tải cẩu (là TSBĐ của dự án) để làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Phòng G, Chi nhánh Ngân hàng P1 theo số đơn CF10019705BD ngày 03/07/2010. Ngày 14/10/2015, Công ty Đ1 thực hiện bán xe ô tô tải cẩu cho Công ty TNHH MTV Ô. Như vậy, Công ty Đ1 đã:

- Vi phạm Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vi phạm quy định tại Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009.

- Vi phạm quy định tại Hợp đồng bảo lãnh *vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26/5/2009; Hợp đồng Thế chấp tài sản số 02/2009/BĐBL-NHPT.QBI ngày 26/5/2009;* Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009.

Căn cứ vào các vi phạm của bên được bảo lãnh vay vốn là Công ty Đ1, VDB từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với hạng mục xe ô tô tải cẩu.

- **Vi phạm của** Ngân hàng O: Tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định: *Bên nhận bảo lãnh có quyền và nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Bên được bảo lãnh để đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng, an toàn và có hiệu quả; Thông báo ngay cho Bên bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh vi phạm Hợp đồng tín dụng và các quy định hiện hành có liên quan.*

- Tại điểm 9, Điều 1. Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định: *Bên nhận bảo lãnh (*Ngân hàng M*) có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và tài sản hình thành từ vốn vay của Bên được bảo lãnh (*Công ty TNHH Đ1*) để đảm bảo sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng, an toàn và có hiệu quả.*

- Tại điểm 3, Điều 3. Thông tư số 12/2009/TT-NHNN ngày 28/05/2009 của Ngân hàng N về việc hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của N1 theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định: *Ngân hàng thương mại có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình vay vốn, sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay và hoàn trả nợ vốn vay của doanh nghiệp nhằm đảm bảo doanh nghiệp sử dụng vốn vay đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.*

Tuy nhiên, Bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng O không thực hiện nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và tài sản hình thành từ vốn vay dẫn đến Bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 dùng xe ô tô tải cẩu để bảo đảm cho một khoản

vay khác và thực hiện bán xe ô tô tải cẩu là sai mục đích so với mục đích sử dụng vốn vay quy định tại Hợp đồng bảo lãnh, Chứng thư bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V1 không có bất cứ thông báo nào cho NHPT về việc bên được bảo lãnh sử dụng tài sản với các mục đích nêu trên.

- Tại Biên bản kiểm tra sau giải ngân ngày 05/03/2011, Ngân hàng O đã không thực hiện đầy đủ theo đúng quy định tại Ngân hàng O, rất nhiều nội dung kiểm tra đã bị bỏ trống, không thực hiện, đặc biệt là không thực hiện bất cứ đánh giá về tài sản bảo đảm của dự án, nguồn trả nợ của khách hàng. Đồng thời, tại Biên bản này, Ngân hàng O xác nhận khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích vào ngày 05/03/2011, trong khi ngày 03/07/2010 Công ty Đ1 đã sử dụng một phần tài sản bảo đảm của dự án là xe ô tô tải gắn cẩu để thế chấp cho một khoản vay tại NHTM khác.

Công ty Đ1 đã sử dụng vốn sai mục đích và dùng tài sản để thế chấp cho một khoản vay khác, nhưng Ngân hàng O không thông báo cho NHPT đúng sự thật. Điều này làm thất thoát tài sản bảo đảm của dự án. Đồng thời, Ngân hàng O thông báo sai sự thật về việc sử dụng vốn của Công ty Đ1 là vi phạm quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ: "Bên nhận bảo lãnh Thông báo ngay cho Bên bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh vi phạm Hợp đồng tín dụng và các quy định hiện hành có liên quan". Như vậy, Ngân hàng O đã Vi phạm Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Vi phạm Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Vi phạm Thông tư số 12/2009/TT-NHNN ngày 28/05/2009 của Ngân hàng N về việc hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của N1 theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Vi phạm quy định tại Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009.

Căn cứ vào các vi phạm của bên nhận bảo lãnh vay vốn là Ngân hàng O, V từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với hạng mục xe ô tô tải cẩu.

- Từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh một phần: Đối với các khoản lãi phát sinh trên các hạng mục tài sản khác hạng mục ô tô tải gắn cẩu, VDB có ý kiến như sau:

- Tại Điều 14 Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại quy định: Bên bảo lãnh được quyền phối hợp với Bên nhận bảo lãnh kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn và hoàn trả nợ của Bên được bảo lãnh; Bên bảo lãnh được yêu cầu Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động của Bên được bảo lãnh liên quan đến việc bảo lãnh vay vốn.

- Thực hiện quy định trên, trong 02 lần trả nợ thay đối với dự án Nhà máy cơ khí tổng hợp, VDB đã tạm chấp thuận các số liệu về dư nợ gốc, lãi do Ngân hàng O cung cấp. Vì vậy, tại các Công văn số 256/NHPT.QBI-TD ngày

03/07/2018, Công văn số 302/NHPT.QBI-TD ngày 24/8/2018, Công văn 251/NHPT.QBI-TD ngày 21/8/2019, Công văn 78/NHPT.QBI-TD ngày 09/3/2020 VDB đã đề nghị Ngân hàng O cung cấp thông tin và phối hợp với VDB thực hiện rà soát số liệu chi tiết về giải ngân, thu nợ, phạm vi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để xác định chính xác nghĩa vụ bảo lãnh đối với dự án theo đúng quy định. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng O cung cấp bao gồm: Thông tin về từng lần giải ngân (số tiền, thời gian giải ngân, lãi suất vay vốn áp dụng trong từng thời kỳ); Thông tin về trả nợ của Công ty TNHH Đ1 và trả nợ thay của Chi nhánh Q1 (số tiền trả nợ, thời gian trả nợ, nội dung trả nợ: trả nợ gốc, trả nợ lãi, lãi phạt quá hạn, lãi phạt trong hạn). Tuy nhiên, Ngân hàng O không có Công văn phản hồi, đồng thời không phối hợp cung cấp thông tin, rà soát hồ sơ theo đề nghị của V1 nên chưa có đủ thông tin để xác định nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh đối với phần lãi phát sinh trên các hạng mục tài sản khác hạng mục ô tô tải gắn cẩu. Mặt khác, việc Ngân hàng O không phối hợp cung cấp thông tin, rà soát hồ sơ theo đề nghị của V là chưa thực hiện đúng theo quy định của Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- VDB xác định phạm vi bảo lãnh theo chứng thư đã ký kết trong trường hợp không thực hiện bảo lãnh hạng mục xe ô tô tải gắn cẩu: VDB khẳng định luôn thống nhất quan điểm từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do quá thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, để xác định đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh, VDB xác định phạm vi bảo lãnh theo chứng thư đã phát hành như sau: Theo chứng thư bảo lãnh, V chấp thuận tổng số tiền vay được bảo lãnh bao gồm: Số vốn vay được bảo lãnh (nợ gốc): 9.475.000.000 đồng và số lãi vay phát sinh trên số nợ gốc được bảo lãnh với lãi suất vay vốn tối đa là 10%/năm. Như vậy, theo chứng thư VDB chỉ thực hiện bảo lãnh đối với dư nợ gốc của dự án và nợ lãi trong hạn được áp dụng với lãi suất 10%/năm. Các khoản lãi phạt trên gốc quá hạn, lãi phạt trên lãi chậm trả đều không thuộc phạm vi bảo lãnh. Căn cứ chứng thư bảo lãnh, VDB xác định phạm vi bảo lãnh theo chứng thư. Tổng số tiền NHPT đã trả nợ thay đến nay là 5.927.241.416 đồng, trong đó: Trả nợ thay lần 1 (tính đến 05/09/2015): 3.387.241.416 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.416.569.952 đồng; Nợ lãi quá hạn: 711.111.565 đồng; Lãi phạt gốc quá hạn: 259.559.899 đồng; Trả nợ thay lần 2 (tính đến ngày 31/03/2017): nợ gốc 2.540.000.000 đồng. Như vậy, Tính đến ngày 05/5/2017 (ngày NHPT chuyển tiền trả nợ thay lần thứ 2) thì NHPT đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay đối với dư nợ gốc, do đó từ ngày 05/05/2017 VDB không chịu thêm bất cứ nghĩa vụ bảo lãnh nào đối với dư nợ lãi phát sinh thêm.

Về nghĩa vụ trả nợ thay đối với dư nợ lãi tính đến ngày 05/05/2017, VDB xác định như sau: Sau khi rà soát nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện, vào lần trả nợ thay lần 1, số tiền Lãi phạt gốc quá hạn là số tiền lãi áp dụng lãi suất 15%/năm do đó vượt quá phạm vi bảo lãnh theo Chứng thư đã phát hành. Tổng số tiền đã chuyển vượt quá phạm vi bảo lãnh: 259.559.899 đồng.

- Tổng tiền lãi chấp thuận trả nợ thay: 458.485.086 đồng, bao gồm: Tổng tiền lãi đến ngày 31/3/2017 áp dụng lãi suất 10%/năm theo số liệu Ngân hàng M cung cấp (trả nợ thay lần 2): 590.608.504 đồng. NHPT xác định như sau: Tổng số

tiền lãi 590.608.504 đồng được tính trên dư nợ gốc 3.450.000.000 đồng, vậy tổng số tiền lãi tính trên dư nợ gốc được chấp thuận trả nợ thay 2.540.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần dư nợ 910.000.000 đồng của xe ô to tải cẩu) là: 434.824.812 đồng *(Tính theo tỷ lệ % dư nợ gốc: 590.608.504 x 2.540.000.000/3.450.000.000 = 434.824.812 đồng)*. Tổng tiền lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm tính trên dư nợ gốc được chấp thuận trả nợ thay 2.540.000.000 đồng từ ngày 31/3/2017 đến ngày 05/05/2017: 23.660.274 đồng *(2.540.000.000 x 10%/365 x 34 ngày = 23.660.274 đồng)*. Tổng số tiền còn phải chuyển trả cho NHTM: 198.925.187 đồng. Cụ thể: Tổng số tiền đã chuyển vượt quá phạm vi bảo lãnh: 259.559.899 đồng; Tổng nghĩa vụ trả nợ thay còn lại: 458.485.086 đồng; Tổng số tiền còn phải chuyển trả NHTM: 198.925.187 đồng *(458.485.086 – 259.559.899 = 198.925.187 đồng)*

- VDB xác định phạm vi bảo lãnh theo chứng thư đã ký kết trong trường hợp phải thực hiện bảo lãnh hạng mục xe ô tô tải gắn cẩu: Để xác định tính chính xác phạm vi bảo lãnh của toàn dự án, VDB đề nghị Ngân hàng O cung cấp các hồ sơ sau và phối hợp giải trình (nếu cần) để VDB chủ động rà soát số liệu đến ngày 14/06/2024: Phương pháp tính lãi và số lãi phát sinh, số lãi lũy kế từ ngày bắt đầu tính lãi đến ngày 14/06/2024 theo biến động số dư thực tế của dự án; Lịch thu nợ chi tiết tách riêng thu nợ gốc, thu nợ lãi của dự án từ khi bắt đầu tính lãi đến ngày 14/6/2024 của Công ty Đ1 và Ngân hàng P1 trả nợ thay. Bảng theo dõi cho vay, thu nợ của dự án từ khi phát sinh đến ngày 14/6/2024. Chứng từ trả nợ của khách hàng từ khi ký hợp đồng tín dụng đến ngày 14/6/2024.

Từ những căn cứ nêu trân, VDB kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử:

- VDB không đồng ý với các xem xét của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về áp dụng thời hiệu khởi kiện (điểm 1) và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (điểm 3) tại Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 07/2023 ngày 07/09/2023, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án giữ nguyên theo Quyết định phúc thẩm tại Bản án số 05/2022/KDTM-PT ngày 07/07/20222 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Căn cứ các vi phạm của Công ty Đ1 và các vi phạm của Ngân hàng O như đã trình bày ở trên, đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu VDB phải trả nợ thay trong trường hợp Công ty Đ1 không trả được nợ.

2. Tại các bản tự khai và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ngân hàng M **trình bày:**

- Về việc VDB yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện:

+ Tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2017, V trình bày: *"1... Chi nhánh NHPT Quảng Bình đề nghị* Ngân hàng M *xóa số tiền phạt gốc quả hạn tính đến ngày 31/5/2017 là 1.247.957.420 đồng; 2. Chi nhánh* Q1 *sẽ lập hồ sơ đề nghị* N1 *thực hiện trả nợ thay cho dự án Nhà máy cơ khí tổng hợp số tiền 1.500.608.504 đồng, cụ thể: Nợ gốc 910.000.000 đồng, lãi quá hạn 590.608.504 đồng..."*.

+ Tại Công văn số 273/NHPT.QBI-TD ngày 29/6/2017 (phúc đáp công văn số 46/2017/CV-OJB của O về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh), V đã nêu rõ: *"*... Chi nhánh Q1 *đề nghị* Ngân hàng M *xóa số tiền phạt gốc quá hạn tính đến ngày 30/6/2017. Trường hợp* Ngân hàng M *chấp thuận, Chi nhánh sẽ lập hồ sơ đề nghị* Ngân hàng P1 *thực hiện trả nợ thay tính đến ngày 30/6/2017 với số nợ gốc là 910.000.000 đồng và lãi quá hạn 590.608.504 đồng"*.

+ Tại Công văn số 356/NHPT.QBI-TD ngày 08/9/2017 (phúc đáp công văn số 85/2017/CV-OJBDN ngày 31/8/2017 của O về việc thông báo làm việc), V đã nêu ra các khó khăn trong quá trình thu hồi nợ từ Công ty Đ1 và đề nghị O hỗ trợ *"trình cấp có thẩm quyền xem xét miễn giảm số tiền phạt gốc quá hạn đối với dự án* nhà máy C1*"*,

+ Tại Công văn số 52/NHPT.QBI-TD ngày 26/01/2018 (phúc đáp công văn số 20/2018/CV-OJBĐN ngày 22/01/2018 của O về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh), V đề nghị O trả lời về việc giảm số tiền phạt gốc quá hạn để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo về việc bảo lãnh theo quy định của Ngân hàng P1.

Như vậy, tại các Biên bản làm việc và công văn nêu trên, V vẫn tiếp tục có quan điểm sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với O và đề nghị O phối hợp miễn, giảm một phần nghĩa vụ nợ để làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Cho đến ngày 03/7/2018, V mới chính thức có công văn số 256/NHPT.QBI-TD nêu rõ từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với dư nợ gốc 910 triệu đồng và lãi phát sinh liên quan đến hạng mục xe ô tô tải cẩu; nội dung này tiếp tục được VDB trình bày tại Công văn số 302/NHPT.QBI-TD ngày 24/8/2018. Căn cứ Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: Bên có nghĩa vụ thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; ..."*. Như vậy, thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại tính từ ngày 04/7/2018 đến ngày 04/7/2021 và thời điểm O nộp Đơn khởi kiện là ngày 23/9/2020 vẫn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu VDB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 14/2023/KDTM-GĐT ngày 23/09/2023 (V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng) của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Ủy ban thẩm phán cũng đã nhận định rằng O khởi kiện yêu cầu VDB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc VDB từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vì cho rằng hết thời hiệu khởi kiện là hoàn toàn không có căn cứ.

- Về việc VDB từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do vi phạm các Hợp đồng, Chứng thư bảo lãnh đã ký kết:

Hiện nay dư nợ của Công ty Đ1 tại O gồm 02 phần: (1) Dư nợ gốc 910 triệu đồng và lãi phát sinh liên quan đến hạng mục xe ô tô tải cẩu; (2) số tiền lãi còn lại trên khoản nợ gốc 2.540.000.000 đồng mà V đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh lần 2.

- Do Công ty Đ1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, O đã yêu cầu V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty G1 theo cam kết tại Chứng thư bảo lãnh số

03/NHPT.QBI-CTBL và các Chứng thư bảo lãnh sửa đổi. V đã từ chối bảo lãnh đối với phần dư nợ gốc 910 triệu đồng và lãi phát sinh liên quan đến hạng mục xe tải cẩu theo căn cứ điểm k, khoản 1, Điều 14 Quyết định 14/2009/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn: *"Bên bảo lãnh có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh hoặc Bên nhận bảo lãnh vi phạm Hợp đồng bảo lãnh vay vốn hoặc Chứng thư bảo lãnh"*. Cụ thể:

+ Điều 7 Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26/5/2009 quy định: Bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 không được sử dụng tài sản bảo đảm cho bảo lãnh làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc dùng tài sản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào doanh nghiệp khác.

+ Điểm 2 Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 quy định: Khi dự án hoàn thành, Bên được bảo lãnh là công ty Đ1 có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ giấy tờ (bản gốc) liên quan đến tài sản hình thành từ vốn vay được bảo lãnh cho Bên bảo lãnh.

Tuy nhiên sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng Công ty Đ1 không thực hiện việc bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký ô tô đối với xe ô tô tải cẩu cho V mà sử dụng vào mục đích khác. Như vậy, Công ty Đ1 đã vi phạm các cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh và Chứng thư bảo lãnh. O nhận thấy việc VDB từ chối bảo lãnh đối với nội dung nêu trên là không phù hợp quy định của pháp luật; cụ thể:

+ Thứ nhất: V căn cứ quy định của điểm k, khoản 1, Điều 14 Quyết định 14/2009/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn: *"Bên bảo lãnh có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh hoặc Bên nhận bảo lãnh vi phạm Hợp đồng bảo lãnh vay vốn hoặc Chứng thư bảo lãnh"*, cho rằng Công ty Đ1 đã vi phạm Hợp đồng bảo lãnh, Chứng thư bảo lãnh và từ chối thực hiện bảo lãnh cho nghĩa vụ của Công ty Đ1. Tuy nhiên, quy định nêu trên đã được sửa đổi theo Quyết định 60/2009/QĐ-TTg được ban hành và có hiệu lực từ ngày 17/4/2009. Theo đó, nội dung quy định của điểm k, khoản 1, Điều 14 Quyết định 14/2009/QĐ-TTg được sửa đổi thành: *"Bên bảo lãnh có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay không đúng mục đích"*. Như vậy, theo quy định nêu trên, V chỉ có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu có căn cứ chứng minh Công ty Đ1 sử dụng vốn vay và xe tải cẩu hình thành từ vốn vay không đúng mục đích. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án VDB chưa cung cấp được tài liệu chứng minh nội dung nêu trên. Do đó, việc VDB từ chối thực hiện bảo lãnh cho Công ty Đ1 theo quy định của điểm k, khoản 1, Điều 14 Quyết định 14/2009/QĐ-TTg là không có căn cứ.

+ Thứ hai: V cho rằng Công ty Đ1 vi phạm thỏa thuận tại khoản 2 Điều 7 Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26/5/2009 *"Không được dùng tài sản bảo đảm cho bảo lãnh làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc dùng làm tài sản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào doanh nghiệp khác"*. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, V chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh việc Công ty Đ1 dùng tài sản bảo đảm của khoản vay để bảo đảm cho nghĩa

vụ khác hoặc dùng làm tài sản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào doanh nghiệp khác. Như vậy, việc V từ chối bảo lãnh vì lí do nêu trên là không có căn cứ

+ Thứ ba: V cho rằng sau khi dự án hoàn thành đưa Công ty Đ1 không thực hiện việc bản giao Giấy chứng nhận đăng ký ô tô đối với xe ô tô tải cẩu cho V mà sử dụng vào mục đích khác, vi phạm quy định của Mục 2 Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009. Tuy nhiên, nội dung rà soát lần giải ngân thứ 4 với hạng mục xe tải cẩu (trang 8) theo Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của V tại thời điểm tháng 05/2013 ghi nhận tài liệu để thực hiện rà soát bao gồm "Cavet xe" (Giấy chứng nhận đăng ký xe); bên cạnh đó, theo kết quả tra cứu thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm tại Hệ thống đăng ký trực tuyến - Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp, V đã đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản là Xe ô tô hiệu Hyundai, biển số: 73L-8795, số khung: 036894 theo số đơn đăng ký số 1150816798 ngày 28/10/2013. Đồng thời, Tại Công văn số 897/NHPT.QBI-TD ngày 28/12/2013 (V/v: Kiểm tra rà soát hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn), VDB đã thông báo đến O nội dung: Trong tổng số tiền O đã giải ngân cho Dự án Nhà máy cơ khí tổng hợp do Công ty TNHH Đ1 làm chủ đầu tư 8.452.653.000 đồng chỉ có 6.040.525.496 đồng Công ty Đ1 đã sử dụng đúng mục đích và đúng quy định tại quy chế bảo lãnh ban hành theo quyết định số 14/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp theo tại Biên bản làm việc 3 bên ngày 05/09/2014, VDB đã chấp nhận hồ sơ và số liệu giải trình của O và Công ty Đ1 về phần chênh lệch khoản giải ngân chưa được VDB chấp nhận đúng mục đích và đúng quy định. Đến ngày 08/05/2015, VDB đã ra Thông báo chấp thuận trả nợ thay số 2015/NHPT.QBI-TD.

Như vậy, việc V cho rằng Công ty Đ1 không bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải cẩu cho V mà sử dụng vào mục đích khác là không có cơ sở. Vì vậy, O căn cứ các quy định:

+ Điểm g, khoản 2 Quyết định 14/2009/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 60/2009/QĐ-TTg: Bên nhận bảo lãnh có quyền *"g) Yêu cầu Bên bảo lãnh thực hiện các cam kết trong Chứng thư bảo lãnh vay vốn"*.

+ Điểm đ, khoản 1 Quyết định 14/2009/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 60/2009/QĐ-TTg: Bên bảo lãnh có nghĩa vụ *"đ) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo cam kết với* B *nhận bảo lãnh và Bên được bảo lãnh"*.

+ Mục 3 Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL và các Chứng thư bảo lãnh sửa đổi: Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh thực hiện đúng quy định tại quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại được ban hành kèm theo Quyết định 14/2009/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 60/2009/QĐ-TTg.

Ngoài ra, đối với lãi suất mà VDB phải có nghĩa vụ trả nợ thay, Ngân hàng M áp dụng theo mức lãi suất 10% theo Chứng thư đã ký kết. Mặt khác, phương thức tính lãi của Ngân hàng M đã được các bên thống nhất theo phương thức mà VDB đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh lần thứ nhất. Đối với trách nhiệm quản lý theo dõi tài sản thế chấp thì đều thuộc về trách nhiệm của Ngân hàng V, cho nên

Ngân hàng M không có nghĩa vụ quản lý tài sản thế chấp là xe tải cẩu như VDB đã trình bày.

Từ những căn cứ đã nêu, Ngân hàng O đề nghị buộc Ngân hàng P1 Chi nhánh Q1 (VDB) phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Đ1 để thanh toán nợ cho O theo Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 và các chứng thư sửa đổi kèm theo. Nghĩa vụ nợ phát sinh tính từ ngày 06/9/2014 cho đến ngày xét xử phúc thẩm 14/6/2024 với tổng số tiền **3.381.124.729** đồng, trong đó nợ gốc là **910.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **323.941.668** đồng, lãi trên gốc quá hạn là **2.147.124.729** đồng và tiếp tục tính lãi theo Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 và các chứng thư sửa đổi kèm theo cho đến ngày Ngân hàng P1 Chi nhánh Q1 (VDB) thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh.

**** Ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:***

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng M về buộc Ngân hàng P1 Chi nhánh Q1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Đ1 tính đến ngày xét xử phúc thẩm 14/6/2024 theo chứng thư bảo lãnh đã ký giữa các bên với tổng số tiền **3.381.124.729** đồng. Buộc đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại bản án Giám đốc thẩm số: 14/2023/KDTM-GĐT, ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2022/KDTM-PT ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về tranh chấp hợp đồng tín dụng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm lại vụ án về phần thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng M buộc Ngân hàng P1- Chi nhánh Q1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Đ1 theo Chứng thư bảo lãnh đã ký kết giữa các bên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Đ1 ông Lê Văn H vắng mặt lần thứ 02 không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng M *(*Ngân hàng O*)* về buộc Ngân hàng P1- Chi nhánh Q1 *(*Ngân hàng V*)* thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH Đ1 thấy rằng:

[2.1] Theo các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp thể hiện Công ty Đ1 vay Ngân hàng O tổng số tiền 8.452.653.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, Công ty Đ1 chỉ trả được cho Ngân hàng O 6.525.411.966 đồng, sau đó phát sinh nợ quá hạn từ ngày 14/01/2013. Vì vậy, Ngân hàng O khởi kiện yêu cầu Công ty Đ1 phải trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2022 là 6.884.196.713 đồng (trong đó, nợ gốc là 910.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 944.973.607 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 3.062.205.205 đồng, phạt lãi quá hạn là 1.967.017.901 đồng). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng O, buộc Công ty Đ1 phải trả cho Ngân hàng O số tiền nợ tính đến ngày 24/01/2022, tổng cộng là 4.917.178.812 đồng (trong đó nợ gốc là 910.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 944.973.607 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 3.062.205.205 đồng) và không chấp nhận đối với yêu cầu số tiền phạt lãi quá hạn là 1.967.017.901 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Về nghĩa vụ trả nợ của Công ty Đ1 cho Ngân hàng O thì Ngân hàng V không có ý kiến gì và các bên đương sự không tranh chấp nên hội đồng không xem xét gì thêm.

[2.2] Đối với toàn bộ khoản vay trên của Công ty Đ1 được bảo đảm theo Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 02/2009/NHPT.QBI-BLDA ngày 26/5/2009 và Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 của Ngân hàng V. Trong đó các bên thỏa thuận, trong trường hợp Công ty Đ1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V phải có nghĩa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Đ1 đối với Ngân hàng O. Thực hiện các cam kết tại chứng thư bảo lãnh, tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2017, Ngân hàng V đã trình bày *"... Chi nhánh* Ngân hàng P1 *đề nghị* Ngân hàng M *xóa số tiền phạt gốc quá hạn tính đến ngày 31/5/2017 là 1.247.957.420 đồng... Chi nhánh* Ngân hàng P1 *sẽ lập hồ sơ đề nghị* Ngân hàng P1 *thực hiện trả nợ thay cho Dự án* nhà máy C1 *tổng hợp số tiền 1.500.608.504 đồng, cụ thể: nợ gốc 910.000.000 đồng, lãi quá hạn 590.608.504 đồng*"; đồng thời tại Công văn số 273/NHPT.QBI-TD ngày 29-6-2017, Ngân hàng V tiếp tục nêu: *"... Chi nhánh* Ngân hàng P1 *đề nghị* Ngân hàng M *xóa số tiền phạt gốc quá hạn tính đến ngày 30-6-2017. Trường hợp,* Ngân hàng M *chấp thuận, Chi nhánh sẽ lập hồ sơ đề nghị* Ngân hàng P1 *thực hiện trả nợ thay tính đến ngày 30-6-2017 với số nợ gốc là 910.000.000 đồng và lãi quá hạn 590.608.504 đồng"*. Sau đó, tại Công văn số 356/NHPT.QBI-TD ngày 08-9-2017, Ngân hàng V đã nêu rõ những khó khăn trong quá trình thu hồi nợ từ Công ty Đ1 và đề nghị Ngân hàng O hỗ trợ: *"Trình cấp có thẩm quyền xem xét miễn giảm số tiền phạt gốc quá hạn đối với Dự án Nhà máy Cơ khí tổng hợp "*. Tại Công văn số 52/NHPT.QBI-TD ngày 26-01-2018 *(Phúc số 20/2018/CV-OJBDN ngày 20-01-2018 của* Ngân hàng O *về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh)*, Ngân hàng V đề nghị Ngân hàng O trả lời về việc giảm số tiền phạt gốc quá hạn để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo về việc bảo lãnh theo quy định của Ngân hàng V.

Như vậy, căn cứ vào biên bản làm việc và các công văn nêu trên đã có đủ cơ sở xác định Ngân hàng V đã thừa nhận nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh đối với

khoản vay của Công ty Đ1. Tuy nhiên, đến ngày 03/7/2018, Ngân hàng V lại có Công văn số 256/NHPT.QBI-TD từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với dư nợ gốc là 910.000.000 đồng và lãi phát sinh liên quan đến hạng mục xe tải cẩu và nội dung này được Ngân hàng V - Chi nhánh Q1 tiếp tục trình bày tại Công văn số 302/NHPT.QBI-TD ngày 24/8/2018. Do đó, theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *"Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện..."*. Căn cứ quy định này, thì thời hiệu khởi kiện (3 năm) được bắt đầu lại tính từ ngày 04/7/2018 *(sau ngày* Ngân hàng V *ban hành Công văn số 256/NHPT.QBI-TD từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh)* đến ngày 04/7/2021. Vì vậy, ngày 23-9-2020, Ngân hàng O khởi kiện yêu cầu Ngân hàng V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là đang còn trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng O về việc buộc Ngân hàng V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền dư nợ gốc 910.000.000 đồng, cùng toàn bộ lãi phát sinh liên quan đến hạng mục này vì lý do đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng O.

[2.3] Ngày 26/5/2009, Ngân hàng V phát hành chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTNL (BL:241) với nội dung bảo lãnh cho Công ty Đ1 được vay vốn tại Ngân hàng O nhằm thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ ký tổng hợp theo hợp đồng tín dụng số 0073/2009/HĐTD-OCEANBABANK06 ngày 22/5/2009; trong đó Ngân hàng V cam kết bảo lãnh cho Công ty Đ1 vay tổng số 9.475.000.000 và số lãi vay phát sinh trên số nợ gốc được bảo lãnh theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh với lãi suất vay vốn tối đa không quá 10%/năm; thời hạn vay vốn 84 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn trả nợ 72 tháng, bắt đầu trả từ ngày 01/10/2012; thời hạn bảo lãnh kể từ ngày bên bảo lãnh phát hành Chứng thư bảo lãnh đến ngày bên bảo lãnh hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết.

Sau khi Công ty Đ1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại Ngân hàng O thì Ngân hàng V đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh một phần theo cam kết. Riêng đối với khoản vay mua xe cẩu với tổng số tiền 910.000.000 đồng của Công ty Đ1, Ngân hàng V cho rằng công ty không thực hiện việc bản giao Giấy chứng nhận đăng ký ô tô đối với xe ô tô tải cẩu cho Ngân hàng V mà sử dụng vào mục đích khác là vi phạm quy định của Mục 2 Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 nên Ngân hàng V không có nghĩa vụ thực hiện trả nợ thay. Tuy nhiên, theo nội dung rà soát lần giải ngân thứ 4 với hạng mục xe tải cẩu và Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng V tại thời điểm tháng 05/2013 ghi nhận tài liệu để thực hiện rà soát bao gồm "Cavet xe" *(Giấy chứng nhận đăng ký xe)*; đồng thời theo kết quả tra cứu thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm tại Hệ thống đăng ký trực tuyến - Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp, V đã đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản là Xe ô tô hiệu Hyundai, biển số: 73L-8795, số khung: 036894 theo số đơn đăng ký số 1150816798 ngày 28/10/2013. Mặt khác, Tại Công văn số 897/NHPT.QBI-TD ngày 28/12/2013 về việc kiểm tra rà soát hồ sơ

để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn, VDB đã thông báo đến O nội dung: *"Trong tổng số tiền* O *đã giải ngân cho Dự án Nhà máy cơ khí tổng hợp do* Công ty TNHH Đ1 *làm chủ đầu tư 8.452.653.000 đồng chỉ có 6.040.525.496 đồng* Công ty Đ1 *đã sử dụng đúng mục đích và đúng quy định tại quy chế bảo lãnh ban hành theo quyết định số 14/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ"*. Tiếp theo tại Biên bản làm việc 3 bên ngày 05/09/2014, VDB đã chấp nhận hồ sơ và số liệu giải trình của O và Công ty Đ1 về phần chênh lệch khoản giải ngân chưa được VDB chấp nhận đúng mục đích và đúng quy định. Đến ngày 08/05/2015, VDB đã ra Thông báo chấp thuận trả nợ thay số 2015/NHPT.QBI-TD. Do đó, Ngân hàng V cho rằng Công ty Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ cam kết tại chứng thư bảo lãnh nên không có nghĩa vụ trả nợ thay cho ngân hàng O là không có căn cứ và mâu thuẩn với những nôi dung cam kết trả nợ thay của Ngân hàng V.

Ngoài ra, đối với lãi suất mà VDB phải có nghĩa vụ trả nợ thay, Ngân hàng M áp dụng theo mức lãi suất 10% theo Chứng thư đã ký kết và phương thức tính lãi của Ngân hàng M đã được các bên thống nhất theo phương thức mà VDB đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh lần thứ nhất. Vì vậy, VDB cho rằng ngân hàng O yêu cầu V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vượt quá mức lãi suất được quy định tại chứng thư bảo lãnh là không có căn cứ. Đối với trách nhiệm quản lý theo dõi tài sản mà Công ty Đ1 đã thế chấp nhằm đảm bảo khoản vay thuộc về trách nhiệm của Ngân hàng V, cho nên Ngân hàng M không có nghĩa vụ quản lý tài sản thế chấp là xe tải cẩu theo như VDB đã trình bày. Đồng thời, tại các thời điểm VDB phát hiện Công ty Đ1 sử dụng vốn vay là xe tải cẩu không đúng mục đích, nhưng không có bất cứ văn bản thông báo nào về việc từ chối nghĩa vụ bảo lãnh cho Ngân hàng O mà tiếp tục thừa nhận nghĩa vụ bảo lãnh.

[3] Từ những phân tích tại [Mục 2] đã có đủ cơ sở xác định đối với khoản vay mua xe tải cẩu với số tiền gốc là 910.000.000 đồng mà Công ty Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết kể từ ngày 06/9/2014 và được Ngân hàng V có văn bản chấp nhận trả nợ thay theo chứng thư bảo lãnh. Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng O buộc Ngân hàng V trả nợ thay cho Công ty Đ1 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 3.381.124.729 đồng, trong đó nợ gốc 910.000.000 đồng, lãi trong hạn 323.941.668 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 2.147.183.062 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng O được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng M; sửa một phần bản sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 157, 429 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 318, 342, 355, 361, 362, 363, 367, 369, 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng M

- Buộc Công ty TNHH Đ1 phải trả cho Ngân hàng M tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/01/2022) là **4.917.178.812** đồng, trong đó: nợ gốc là 910.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 944.973.067, lãi trên gốc quá hạn là 3.062.202.205 đồng.

Kể từ ngày 25/01/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0073/2009/HDTD1-OCEANBANK06 ngày 22/05/2009 và các Phụ lục kèm theo được ký giữa Ngân hàng M - Chi nhánh Đ *với* Công ty Đ1 *là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết.*

- Buộc Công ty TNHH Đ1 phải ký quỹ số tiền hỗ trợ lãi suất là 572.808.289 đồng tại Ngân hàng M. Sau khi Ngân hàng N quyết toán xong tiền hỗ trợ lãi suất, Ngân hàng M sẽ quyết toán lại cho Công ty TNHH Đ1 và hoàn trả tiền chênh lệch (nếu có).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng M về buộc bị đơn Công ty TNHH Đ1 phải trả **1.967.017.901** đồng lãi chậm trả.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH Đ1 không trả nợ được nợ gốc lãi cho Ngân hàng M thì buộc Ngân hàng P1 - Chi nhánh Q1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH Đ1 để thanh toán nợ cho Ngân hàng M theo Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 và các chứng thư sửa đổi kèm theo tính từ ngày 06/9/2014 cho đến ngày xét xử phúc thẩm 14/6/2024 với tổng số tiền **3.381.124.729** đồng, trong đó nợ gốc **910.000.000** đồng, lãi trong hạn **323.941.668** đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn **2.147.183.062** đồng.

Kể từ ngày 15/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất

do các bên thỏa thuận tại Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.QBI-CTBL ngày 26/5/2009 và các chứng thư sửa đổi kèm theo cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH Đ1 phải chịu 112.917.178 đồng án phí kinh doanh thương mại để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc nguyên đơn Ngân hàng M phải chịu 71.000.000 đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện phạt lãi chậm trả không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền 57.126.641 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006656 ngày 16/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, số tiền Ngân hàng M còn phải nộp tiếp là 13.873.359 đồng.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Trả lại cho Ngân hàng M số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0001099 ngày 10/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự ;
- TAND TP Đồng Hới;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Lưu: HS vụ án, án văn Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trung Thành